

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX-VIETTEL**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

C  
M  
C

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Lộc	Ủy viên
Ông Lê Văn Bé	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Thái Quốc Minh	Ủy viên
Ông Trần Văn Tám	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Văn Tám	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Sinh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Văn Tám  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2011

Số: *264* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Văn Hùng  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 26 tháng 01 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B02/TCTD**

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết	31/12/2010	31/12/2009
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I	Tiền gửi tại NHNN	5	5.610.764.009	-
II	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	2.393.269.778.607	2.143.227.346.796
1	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		2.393.269.778.607	2.143.227.346.796
III	Cho vay khách hàng		628.846.244.674	201.513.985.849
1	Cho vay khách hàng	7	633.598.231.410	203.036.761.561
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(4.751.986.736)	(1.522.775.712)
IV	Chứng khoán đầu tư	9	150.000.000.000	-
1	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		150.000.000.000	-
V	Góp vốn đầu tư dài hạn	10	300.000.000	-
1	Đầu tư dài hạn khác		300.000.000	-
VI	Tài sản cố định		25.399.409.264	26.440.983.141
1	Tài sản cố định hữu hình	11	25.389.187.043	26.423.094.252
a	Nguyên giá TSCĐ		27.362.628.665	27.335.178.665
b	Hao mòn TSCĐ		(1.973.441.622)	(912.084.413)
2	Tài sản cố định vô hình	12	10.222.221	17.888.889
a	Nguyên giá TSCĐ		23.000.000	23.000.000
b	Hao mòn TSCĐ		(12.777.779)	(5.111.111)
VII	Tài sản Có khác		103.662.970.253	42.647.352.214
1	Các khoản phải thu	13	80.943.285.876	24.490.784.474
2	Các khoản lãi, phí phải thu		21.099.592.431	15.551.713.640
3	Tài sản Có khác	13	1.620.091.946	2.604.854.100
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>			<b>3.307.089.166.807</b>	<b>2.413.829.668.000</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃU SỐ B02/TCTD**  
 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết	31/12/2010		31/12/2009	
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>					
<b>I</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>14</b>	<b>1.990.000.000.000</b>		<b>1.264.000.000.000</b>	
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	14	1.940.000.000.000		764.000.000.000	
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	14	50.000.000.000		500.000.000.000	
<b>II</b>	<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b>		<b>2.000.000.000</b>		<b>-</b>	
<b>III</b>	<b>Các khoản Nợ khác</b>		<b>191.903.939.360</b>		<b>122.947.492.237</b>	
1	Các khoản lãi, phí phải trả		4.826.861.110		8.044.871.666	
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	15	186.894.865.986		114.902.620.571	
3	Dự phòng rủi ro khác	15	182.212.264		-	
	<b>Tổng Nợ phải trả</b>		<b>2.183.903.939.360</b>		<b>1.386.947.492.237</b>	
<b>IV</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>16</b>	<b>1.123.185.227.447</b>		<b>1.026.882.175.763</b>	
1	Vốn của TCTD	16	1.000.000.000.000		1.000.000.000.000	
a	Vốn điều lệ		1.000.000.000.000		1.000.000.000.000	
2	Quỹ của TCTD	16	5.241.919.355		-	
3	Lợi nhuận chưa phân phối	16	117.943.308.092		26.882.175.763	
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.307.089.166.807</b>		<b>2.413.829.668.000</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>24.294.968.570</b>	<b>-</b>
1	Bảo lãnh khác	24.294.968.570	-



**Trần Văn Tâm**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2011

**Nguyễn Thúy Nga**  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B03/TCTD**  
 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ hoạt động	
			2010	từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	18	259.766.989.063	57.291.565.002
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	19	122.196.544.345	13.472.578.772
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>137.570.444.718</b>	<b>43.818.986.230</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		12.485.870.810	162.500.000
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		6.101.156.659	146.786.861
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>6.384.714.151</b>	<b>15.713.139</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		<b>452.114.832</b>	<b>-</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.674.000.496	933.772.037
6	Chi phí hoạt động khác		309.977.463	316.965.216
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>		<b>1.364.023.033</b>	<b>616.806.821</b>
<b>V</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>21</b>	<b>13.038.598.102</b>	<b>10.300.790.159</b>
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>132.732.698.632</b>	<b>34.150.716.031</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>3.411.423.288</b>	<b>1.522.775.712</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>129.321.275.344</b>	<b>32.627.940.319</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	32.537.417.660	5.745.764.556
<b>IX</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22</b>	<b>32.537.417.660</b>	<b>5.745.764.556</b>
<b>X</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>96.783.857.684</b>	<b>26.882.175.763</b>
<b>XI</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>17</b>	<b>968</b>	<b>506</b>



Trần Văn Tám  
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Thúy Nga  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B04/TCTD**

Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU

Kỳ hoạt động  
từ 02/12/2008  
đến 31/12/2009

	2010	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	253.675.360.272	41.239.851.362
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(121.117.020.179)	(5.427.707.106)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	6.384.714.151	15.713.139
04 Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	452.114.832	-
05 Thu nhập khác	1.364.023.033	923.513.964
06 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công	(11.269.574.225)	(8.535.402.671)
07 Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(21.888.400.263)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>	<i>107.601.217.621</i>	<i>28.215.968.688</i>
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
08 Giảm/ (Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	419.000.000.000	(479.000.000.000)
09 (Tăng) các khoản về chứng khoán kinh doanh	(150.000.000.000)	-
10 (Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(430.561.469.849)	(203.036.761.561)
11 (Tăng) khác về tài sản hoạt động	(52.923.989.248)	(18.944.172.214)
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
12 Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	726.000.000.000	1.264.000.000.000
13 Tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	154.918.972.287	108.000.000.000
14 (Giảm)/ Tăng khác về công nợ hoạt động	(98.573.278.991)	15.553.670.548
15 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(480.806.000)	-
<b>I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>674.980.645.820</b>	<b>714.788.705.461</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**MẪU SỐ B04/TCTD**

Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU

Kỳ hoạt động  
từ 02/12/2008  
đến 31/12/2009

	2010	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định	(27.450.000)	(50.561.358.665)
02 Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(300.000.000)	-
<b>II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(327.450.000)</b>	<b>(50.561.358.665)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01 Tăng vốn cổ phần từ góp vốn hoặc phát hành cổ phiếu	-	1.000.000.000.000
<b>III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000.000</b>
<b>IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm/ kỳ</b>	<b>674.653.195.820</b>	<b>1.664.227.346.796</b>
<b>V Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm/ kỳ</b>	<b>1.664.227.346.796</b>	<b>-</b>
<b>VI Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm/ kỳ</b>	<b>2.338.880.542.616</b>	<b>1.664.227.346.796</b>
<b>CHI TIẾT TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5.610.764.009	-
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác (*)	2.333.269.778.607	1.664.227.346.796
	<b>2.338.880.542.616</b>	<b>1.664.227.346.796</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng VND.

Trần Văn Tám  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Thúy Nga  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 304/GP-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp với thời gian hoạt động 50 năm.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 39 (31 tháng 12 năm 2009:28).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103028379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/12/2008, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

**Huy động vốn:**

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

**Hoạt động tín dụng:**

- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật các Tổ chức tín dụng và hợp đồng ủy thác, cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
- Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân. Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau;
- Bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel phải được thực hiện theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ:**

**Mở tài khoản:**

- Được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép;
- Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Dịch vụ ngân quỹ:**

Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex-Viettel được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

Các hoạt động khác:

- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
- Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
- Tham gia thị trường tiền tệ;
- Thực hiện các dịch vụ kiều hối, kinh doanh vàng;
- Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
- Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;
- Cung cấp dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác;
- Thực hiện một số hoạt động ngoại hối theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối;
- Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 01 tháng 4 năm 2010, Ngân hàng Nhà nước có Văn bản số 2380/NHNN-TTGSNH xác nhận Công ty đã đăng ký hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản cho vay và thu từ lãi**

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn, tổ chức tín dụng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

**Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết**

Dự phòng các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Tổng Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2010) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sau khi đã trừ giá trị tài sản thế chấp:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung cho các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được yêu cầu trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên giá trị thuần của các khoản đó. Giá trị thuần bao gồm giá trị các khoản cho vay (sau khi trừ đi các khoản cho vay đã được lập dự phòng 100%), giá trị các khoản cam kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được trích lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực (ngày 05/05/2005).

Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước, các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản nợ đã xóa trong kỳ, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa trong các năm trước và chi phí dự phòng kỳ này.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích lập dự phòng chung với tỷ lệ 0,75% trên tổng dư Nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 và 0,75% trên số dư các khoản bảo lãnh thu tín dụng và cam kết cho vay không hủy ngang.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian hữu dụng ước tính</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua phần mềm máy tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời phần cứng có liên quan. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Công ty luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được.

**Ngoại tệ**

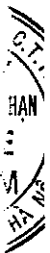
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào khoản mục doanh thu hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Phí dịch vụ hoặc hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh hoặc thực hiện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh và được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các bên liên quan của các cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

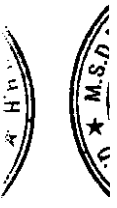
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	5.610.764.009	-
	<u><u>5.610.764.009</u></u>	<u><u>-</u></u>

**6. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	13.269.778.607	4.227.346.796
- Bằng VND	9.784.929.838	4.227.346.796
- Bằng ngoại tệ, vàng	3.484.848.769	-
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	2.380.000.000.000	2.139.000.000.000
- Bằng VND	2.380.000.000.000	2.139.000.000.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	-	-
	<u><u>2.393.269.778.607</u></u>	<u><u>2.143.227.346.796</u></u>
<b>Cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	-	-
<b>Tổng tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	<u><u>2.393.269.778.607</u></u>	<u><u>2.143.227.346.796</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. CHO VAY KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	633.598.231.410	203.036.761.561
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>
<b>Phân tích chất lượng nợ cho vay</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	633.598.231.410	203.036.761.561
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>
<b>Phân tích dư nợ theo thời gian</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	441.168.968.411	53.036.761.561
Nợ trung hạn và dài hạn	192.429.262.999	150.000.000.000
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>
<b>Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Cho vay bằng VND	633.598.231.410	203.036.761.561
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>
<b>Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế là các Công ty cổ phần	633.598.231.410	203.036.761.561
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>
<b>Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế</b>		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Sản xuất	52.720.172.173	-
Xây dựng và bất động sản	437.696.059.237	53.036.761.561
Vận tải và truyền thông	143.182.000.000	150.000.000.000
	<b><u>633.598.231.410</u></b>	<b><u>203.036.761.561</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG**

	<u>Dự phòng chung</u> VND	<u>Dự phòng cụ thể</u> VND
<b><u>Từ 02/12/2008 đến 31/12/2009</u></b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm/(Hoàn nhập dự phòng trong năm)	1.522.775.712	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.522.775.712</u>	<u>-</u>
<b><u>2010</u></b>		
Số dư đầu kỳ	1.522.775.712	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm/(Hoàn nhập dự phòng trong năm)	3.229.211.024	-
Số dư cuối kỳ	<u>4.751.986.736</u>	<u>-</u>

**9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>31/12/2009</u> VND
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>150.000.000.000</b>	-
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	50.000.000.000	-
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	100.000.000.000	-
	<u>150.000.000.000</u>	<u>-</u>

**10. GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2010</u> VND	<u>31/12/2009</u> VND
Đầu tư dài hạn khác	300.000.000	-
	<u>300.000.000</u>	<u>-</u>

Đầu tư dài hạn khác là khoản vốn góp thành lập Công ty Cổ phần Sản giao dịch Bất động sản Vinaconex theo Quyết định số 06/QĐ/VVF-HĐQT ngày 04/8/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty. Theo đó, Công ty sẽ tham gia góp vốn tại Công ty Cổ phần sản giao dịch Bất động sản Vinaconex với tư cách là cổ đông sáng lập và mức vốn cam kết góp là 1 tỷ đồng tương đương 5% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, số vốn Công ty thực góp vào Công ty Cổ phần Sản giao dịch Bất động sản Vinaconex là 300.000.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2010	25.005.000.000	2.173.736.000	156.442.665	27.335.178.665
Mua trong năm	-	-	27.450.000	27.450.000
Tại ngày 31/12/2010	<u>25.005.000.000</u>	<u>2.173.736.000</u>	<u>183.892.665</u>	<u>27.362.628.665</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2010	773.964.286	112.097.053	26.023.074	912.084.413
Khấu hao trong năm	714.428.568	310.533.709	36.394.932	1.061.357.209
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.488.392.854</u>	<u>422.630.762</u>	<u>62.418.006</u>	<u>1.973.441.622</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 31/12/2010	<u>23.516.607.146</u>	<u>1.751.105.238</u>	<u>121.474.659</u>	<u>25.389.187.043</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>24.231.035.714</u>	<u>2.061.638.947</u>	<u>130.419.591</u>	<u>26.423.094.252</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2010	23.000.000	23.000.000
Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2010	<u>23.000.000</u>	<u>23.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2010	5.111.111	5.111.111
Khấu hao trong năm	7.666.668	7.666.668
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.777.779</u>	<u>12.777.779</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 31/12/2010	<u>10.222.221</u>	<u>10.222.221</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>17.888.889</u>	<u>17.888.889</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TÀI SẢN CÓ KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	23.203.180.000	23.203.180.000
- Các khoản phải thu nội bộ	653.930.190	787.604.474
- Các khoản phải thu bên ngoài (ii)	57.086.175.686	500.000.000
	<u><b>80.943.285.876</b></u>	<u><b>24.490.784.474</b></u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>23.203.180.000</b>	<b>23.203.180.000</b>
- Mua sắm tài sản cố định	23.203.180.000	23.203.180.000
<b>Các tài sản Có khác</b>	<b>1.620.091.946</b>	<b>2.604.854.100</b>
- Chi phí chờ phân bổ	1.257.954.988	2.178.430.724
- Các tài sản Có khác	362.136.958	426.423.376

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản thanh toán theo Hợp đồng mua bán diện tích kinh doanh thương mại dịch vụ, văn phòng tại tầng 2, tòa nhà 25T1, dự án Cụm chung cư ở hỗn hợp cao tầng tại lô N05 thuộc dự án Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng là 42.187.600.000 VND (đã bao gồm 10% thuế GTGT và 2% kinh phí bảo trì). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, dự án chưa hoàn thành, bàn giao.

(ii) Các khoản phải thu bên ngoài bao gồm 50.000.000.000 VND là số dư phải thu theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 12/10/UTQLV01/112000/06 ngày 03 tháng 12 năm 2010 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC).

**14. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác</b>		
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	1.940.000.000.000	764.000.000.000
- Bằng VND	<u>1.940.000.000.000</u>	<u>764.000.000.000</u>
<b>Vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
- Bằng VND	<u>50.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>
	<u><b>50.000.000.000</b></u>	<u><b>500.000.000.000</b></u>
<b>Tổng tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác</b>	<u><b>1.990.000.000.000</b></u>	<u><b>1.264.000.000.000</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả và công nợ khác	186.894.865.986	114.902.620.571
- Các khoản phải trả nội bộ	700.000.000	-
- Các khoản phải trả bên ngoài (*)	186.194.865.986	114.902.620.571
Dự phòng rủi ro khác	182.212.264	-
- Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	182.212.264	-
	<u>187.077.078.250</u>	<u>114.902.620.571</u>

(\*) Tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm 154 tỷ VND là số dư các hợp đồng Công ty nhận ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư và ủy thác giữ hộ chờ thanh toán của các tổ chức kinh tế để hưởng lãi suất, không chia sẻ rủi ro.



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**  
 Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 05-TCTD

**16. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 02/12/2008	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	-	26.882.175.763	1.026.882.175.763
- Tăng vốn trong kỳ	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	26.882.175.763	26.882.175.763
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2010	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	-	26.882.175.763	1.026.882.175.763
Tăng trong năm	-	2.688.217.567	1.344.108.788	1.344.108.788	537.643.000	537.643.000	91.061.132.329	96.783.857.684	95.631.101.684
- Trích lập các quỹ	-	2.688.217.567	1.344.108.788	1.344.108.788	537.643.000	537.643.000	(5.722.725.355)	96.783.857.684	(1.152.756.000)
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	96.783.857.684	-	96.783.857.684
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	2.688.217.567	1.344.108.788	1.344.108.788	537.643.000	537.643.000	117.943.308.092	117.943.308.092	1.122.513.277.447



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (Tiếp theo)**

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ VND, số lượng cổ phần Công ty đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/ cổ phần. Trong đó, tỷ lệ góp vốn như sau:

	Vốn góp VND	Tỷ lệ %
<b>Cổ đông sáng lập:</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>70</b>
Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex	330.000.000.000	33
Tổng Công ty Viễn thông Quân đội - Viettel	320.000.000.000	32
Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	5
<b>Cổ đông khác:</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>30</b>
Cổ đông pháp nhân	205.000.000.000	20,5
Công đồng thể nhân	95.000.000.000	9,5
<b>Tổng vốn điều lệ đã góp</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

**17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Đơn vị	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009	
		2010	đến 31/12/2009
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	96.783.857.684	26.882.175.763
Số cổ phiếu đầu năm/kỳ	Cổ phần	100.000.000	100.000.000
Số cổ phiếu phát hành thêm	Cổ phần	-	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm/kỳ	Cổ phần	100.000.000	53.157.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	968	506

**18. THU NHẬP TỪ LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009	
	2010 VND	đến 31/12/2009 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	168.863.873.537	51.469.048.601
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	58.233.265.526	5.822.516.401
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	9.903.888.889	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	22.765.961.111	-
	<b>259.766.989.063</b>	<b>57.291.565.002</b>

500  
G T  
H H  
TT  
NA  
TP

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	2010	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
	VND	VND
Trả lãi tiền gửi	59.762.589.357	5.501.176.671
Trả lãi tiền vay	19.027.515.276	5.064.578.804
Chi phí hoạt động tín dụng khác	43.406.439.712	2.906.823.297
	<b>122.196.544.345</b>	<b>13.472.578.772</b>

**20. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	2010	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
	VND	VND
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	259.940.391	-
Thu từ dịch vụ tư vấn	12.204.545.454	162.500.000
Thu khác	21.384.965	-
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>12.485.870.810</b>	<b>162.500.000</b>
Chi về dịch vụ thanh toán	327.520.295	66.786.861
Chi về dịch vụ tư vấn	5.763.636.364	80.000.000
Chi khác	10.000.000	-
<b>Chi phí từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>6.101.156.659</b>	<b>146.786.861</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>6.384.714.151</b>	<b>15.713.139</b>

H. S. T. E. V. N. A.

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

	2010	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	194.390.071	75.752.381
Chi phí cho nhân viên	8.036.623.999	6.575.344.509
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	7.123.298.038	6.141.871.509
- Chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động	39.000.000	500.000
- Các khoản chi đóng góp theo lương	602.605.961	297.773.000
- Chi trợ cấp	2.750.000	-
- Chi ăn ca cho cán bộ, nhân viên TCTD	268.970.000	135.200.000
Chi về tài sản	1.590.697.936	984.470.375
Trong đó: Khấu hao Tài sản cố định	785.909.593	610.488.381
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.216.886.096	2.665.222.894
	<b>13.038.598.102</b>	<b>10.300.790.159</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2010	Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	129.321.275.344	32.627.940.319
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập được miễn thuế TNDN	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	828.395.294	205.000.000
Thu nhập chịu thuế	130.149.670.638	32.832.940.319
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>32.537.417.660</b>	<b>8.208.235.080</b>
Miễn/giảm thuế TNDN được hưởng	-	(2.462.470.524)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>32.537.417.660</b>	<b>5.745.764.556</b>





**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 05-TCTD***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, Công ty có thực hiện giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Công ty đầu tư vốn, Hội đồng Quản trị và các cán bộ của Công ty, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Công ty trong năm. Các điều khoản của những giao dịch này do Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt.

Số dư các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Các nhà đầu tư</b>		
Các khoản ủy thác đầu tư	50.000.000.000	80.000.000.000
Trái phiếu do các nhà đầu tư phát hành	100.000.000.000	-
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	3.444.250.000	1.599.305.556
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.422.555.556	-
<b>Các Công ty trong cùng Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Các khoản cho vay và ứng trước	633.598.231.410	203.036.761.561
Các khoản ủy thác đầu tư	94.900.000.000	28.000.000.000
Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.610.536.875	423.595.589
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	853.284.722	325.372.778

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Kỳ hoạt động từ 02/12/2008 đến 31/12/2009</u>
	VND	VND
<b>Các nhà đầu tư</b>		
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	31.870.546.926	297.083.333
Mua sắm tài sản cố định	-	48.208.180.000
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	12.237.488.889	-
Thu nhập khác	12.000.000.000	-
<b>Các Công ty trong cùng Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	7.296.006.676	893.250.556
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	50.609.765.527	1.517.678.921
Thu nhập khác	2.013.704.003	-
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao của Ban Kiểm soát	156.000.000	64.733.333
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao của Hội đồng Quản trị	804.000.000	205.000.000

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN VINACONEX - VIETTEL**

Tầng 1, Nhà 18T2, Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 05-TCTD**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 02 tháng 12 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty).



Trần Văn Tâm  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Thúy Nga  
Kế toán trưởng

\*\*\*\*\*